

Số: 585/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 05 tháng 6 năm 2024 đến ngày 11 tháng 6 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, có mưa rào và dông vài nơi, riêng chiều tối có mưa rào và dông rải rác. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 31°C - 34°C.

Dự báo tuần tới: Từ đêm 11/06 đến ngày 13/06: có mưa rào và dông vài nơi, riêng chiều tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông. Từ đêm 13/06 đến ngày 18/06: chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to; riêng thời kỳ từ ngày 15-16/6 có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có mưa to đến rất to. Nhiệt độ trung bình từ: 29,0°C - 30,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 20 - 50 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

STT	Vụ Hè thu 2024	
	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	1.279,0
2	Đẻ nhánh	1.064,0
3	Làm đồng	1.630,0
4	Trổ	828,0
5	Chín	84,0
6	Thu hoạch	-
	Tổng	4.885,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Hè thu 2024		3.918,8	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.068
- RALNN	Nhiều giai đoạn	941,8	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	357,1	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	263,5	Bắp	-	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	118,7	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	153,2	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.319,5
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.028,8			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn						
			04/6	05/6	06/6	07/6	08/6	09/6	10/6
1	Củ Chi	Thái Mỹ	42	121	56	89	41	47	34
		Trung Lập Thượng	20	25	24	20	28	24	28

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	10-25			T1-5	HM,CC,BT
2	Bọ xít hôi	3-6			T1-3	CC,HM
3	Bọ trĩ	3-6			T1-3	HM,BT
4	Sâu phao	1-5			1-5	CC,HM
5	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC,HM,BT,BC
6	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC
7	Đạo ôn	5-10%			C1-C3	HM,CC
8	Đốm vằn	10-15%			C1-C3	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM,Q12,BC,BT,TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	HM,Q12,BC,BT,CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC,HM,CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM,Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC,CC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
15	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12,BC
16	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM,Q12,BC
17	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ,HM,Q12,BC,BT
18	Đốm lá	5-10%			1-3	BC,HM,Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM, CC

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 973,6 ha, giảm 1,3 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn với sinh vật hại chủ yếu là sâu cuốn lá, bọ xít hôi, sâu phao, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Toàn bộ diện tích nhiễm ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích 54,0 ha, tăng 9,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Bọ xít hôi: Diện tích 33,3 ha, tăng 12,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Sâu phao: Diện tích 30,3 ha, giảm 36,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Ốc brou vàng: Diện tích 640,0 ha, tăng 2,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Chuột: Diện tích 86,0 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Bệnh đạo ôn: Diện tích 72,4 ha, tăng 8,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Bệnh đốm vằn: Diện tích 54,0 ha, tăng 3,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau trong tuần qua 507,4 ha, tăng 8,9 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 313,5 lượt ha, chiếm 61,8% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhậy, rầy xám, sâu tơ, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng và bệnh vàng lá. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 98,2 ha, tăng 2,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 56,6 ha, tăng 2,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Bọ nhậy: Diện tích nhiễm 20,5 ha, tăng 1,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 18,0 ha, tăng 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 207,8 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 11,9 ha, giảm 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh vàng lá: Diện tích 20,8 ha, tăng 1,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, thành phố Thủ Đức.

c) Cây hoa kiểng

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 30,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (28,0 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 29,5 lượt ha chiếm 96,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,9 ha).

+ Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (14,5 ha).

+ Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

d) Cây trồng khác

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu trên đồng đang ở tuổi 3 - tuổi 4 xuất hiện với mật số thấp. Chú ý thăm đồng thường xuyên, theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng để kịp thời quản lý đối tượng này.

- Thời tiết hiện nay thường có mưa nắng xen kẽ, ẩm độ không khí cao tạo thuận lợi cho nấm gây bệnh phát triển gây hại. Chú ý bệnh đạo ôn lá, bệnh đốm vằn gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng.

- Ốc bươu vàng: gây hại trên lúa Hè Thu 2024 mới xuống giống <15 ngày sau sạ. Áp dụng các biện pháp như cắm cọc gỗ, canh cây, thả rau xuống ruộng nước đầu ruộng, ... để dẫn dụ ốc tập trung đến ăn và để trứng nhằm dễ dàng thu gom, tiêu hủy.

- Chuột gây hại trên lúa ở các ruộng mới xuống giống sạ khô và ở giai đoạn đòng trổ. Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp diệt chuột đồng loạt mang tính cộng đồng trên diện rộng, áp dụng biện pháp bẫy cây trồng ở những vùng đang chuẩn bị sạ để diệt chuột đạt hiệu quả cao.

- Các loại sâu hại: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Cây trồng khác

Cây dừa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Thực hiện tốt Công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.

- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt; Công văn số 3005/UBND-KT ngày 29/5/2024 về việc thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KH-CN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (01).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **585/BC-CCITBVTV**, ngày **17** tháng **6** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	54,0			54,0	44,7	60		CC, HM, BT
2	Bọ xít hôi	33,3			33,3	21,2	71		CC, HM
3	Bọ trĩ	3,6			3,6	4,4	5,6		HM, BT
4	Sâu phao	30,3			30,3	66,9	2,6		CC, HM
5	Đạo ôn	72,4			72,4	63,7	87,7		HM, CC
6	Đóm vằn	54,0			54,0	51	69		CC
7	OBV	640,0			640,0	638	814		CC, HM, BT, BC
8	Chuột	86,0			86,0	85	107		CC
	Tổng	973,6			973,6	974,9	1.216,9		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 515/BC-CCTTBVTV, ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	20,5			20,5	18,9	16,6	14,7	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	56,6			56,6	54,2	68,5	38,5	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	11,8			11,8	11,5	14,0	8,1	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	11,4			11,4	11,4	30,4	8,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	98,2			98,2	95,5	118,7	66,5	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	10,7			10,7	10,7	26,8	8,7	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	12,1	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	9,7			9,7	9,5	19,0	6,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	18,0			18,0	17,9	22,9	9,3	HM, Q12
11	Bọ phấn	-			-	-	14,0	-	-
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	0,9	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	8,5			8,5	8,5	13,5	8,5	BC, CC
15	OBV	207,8			207,8	207,8	208,6	109,7	TĐ, HM, Q12
16	Ôc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	8,1			8,1	7,5	7,8	4,3	HM, Q12, BC
18	Ri trắng/RM	11,9			11,9	12,0	37,3	8,1	TĐ, HM, Q12, BC, BT
19	Đóm lá	4,2			4,2	4,4	8,0	2,8	BC, HM, Q12
20	Phấn vàng/dưa leo, khổ qua	1,0			1,0	0,8	2,7	0,6	HM
21	Vàng lá	20,8			20,8	19,7	8,0	15,0	TĐ, HM, CC
	Tổng	507,4			507,4	498,5	636,2	313,5	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG

(Kèm theo Báo cáo số: **585** /BC-CCTTBT/TV, ngày **13** tháng **6** năm 2024 của Chi cục TTBVT/TV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		MT	Kỳ trước			CKNT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	14,06			14,06	13,32	12,85	13,0	
1	Mùi hôi bông	4,20			4,20	4,04	5,18	4,1	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,30			0,30	0,30	0,30	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,14			0,14	0,14	0,12	0,1	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,80			0,80	0,80	0,58	0,7	CC, BC
5	Ốc sên	0,30			0,30	0,20	0,20	0,3	TĐ, CG
6	Đóm lá	3,74			3,74	3,41	2,67	3,5	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,65			1,65	1,65	1,65	1,7	TĐ, CG, Q7
8	Thối nhũn	1,28			1,28	1,26	0,83	1,1	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,45			0,45	0,42	0,42	0,3	CC
10	Vàng lá	0,70			0,70	0,70	0,70	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,20			0,20	0,20	0,10	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,30			0,30	0,20	0,10	-	TĐ
II	Hoa mai	15,8			15,8	14,70	14,50	15,8	
1	Nhện đỏ	1,43			1,43	1,53	1,93	1,4	TĐ, HM, Q12, CG
2	Sâu ăn lá	6,50			6,50	4,87	4,47	6,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,64			3,64	3,45	3,20	3,6	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,01			0,01	0,01	0,02	0,0	HM
5	Rệp vảy	0,08			0,08	0,09	-	0,1	HM, Q12
6	Rây xanh	2,20			2,20	1,80	1,00	2,2	BC
7	Cháy lá	-			-	-	1,33	-	-
8	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,4	CG
9	Nấm hồng	1,60			1,60	1,60	1,20	1,6	BC, BT
10	Rong rêu	-			-	1,00	1,00	-	TĐ
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,69	0,67	
	Tổng cộng	30,56			30,56	28,71	28,04	29,48	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

